

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế khai thác thương mại các tài sản trí tuệ tại Đại học Huế

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-ĐHH ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Chiến lược phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ của Đại học Huế giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của ông Trưởng Ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế khai thác thương mại các tài sản trí tuệ tại Đại học Huế.

Điều 2. Quy chế khai thác thương mại các tài sản trí tuệ tại Đại học Huế là cơ sở để ban hành các quy định cụ thể về khai thác thương mại các tài sản trí tuệ tại Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng có liên quan, Hiệu trưởng các trường đại học thành viên và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Đại học Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 70

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, KHCN&MT

GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC
HUẾ
Nguyễn Văn Toàn

QUY CHẾ
KHAI THÁC THƯƠNG MẠI CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ TẠI ĐẠI HỌC HUẾ
(Ban hành theo Quyết định số 1062/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 8 năm 2015
của Giám đốc Đại học Huế)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế khai thác các tài sản trí tuệ tại Đại học Huế (dưới đây gọi tắt là Quy chế) được ban hành nhằm quy định tạm thời về các vấn đề liên quan đến tài sản trí tuệ (TSTT) trong các mối quan hệ nội bộ của các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc và giữa cán bộ nghiên cứu, giảng viên với các bên có liên quan trên cơ sở bảo đảm thực hiện đúng theo quy định tại luật Sở hữu trí tuệ (SHTT).

2. Quy chế khai thác các tài sản trí tuệ của Đại học Huế quy định về việc xác lập, chuyển giao và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, khai thác và thương mại các TSTT, phân chia lợi ích do các TSTT mang lại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên và nhân viên, gọi chung là cán bộ, viên chức (CBVC) làm việc tại các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc của Đại học Huế;

2. Các cộng tác viên theo vụ việc, sinh viên thực tập,... đến làm việc, khảo sát,... tại các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc, gọi chung là nhân viên thời vụ tại Đại học Huế;

3. Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có quan hệ giao kết hợp đồng nghiên cứu, sản xuất, thương mại hoặc dịch vụ với Đại học Huế.

Điều 3. Các định nghĩa

Trong phạm vi của Quy chế này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Tài sản trí tuệ: là tất cả các sản phẩm trí tuệ có thể được sở hữu hợp pháp thông qua hoạt động sáng tạo, đầu tư sáng tạo, mua lại, nhận chuyển giao hoặc được biếu, tặng, trao đổi, bao gồm các đối tượng SHTT, các quyền SHTT đã xác lập và các tài sản trí tuệ khác.

2. Các tài sản trí tuệ khác: bao gồm nhưng không giới hạn các sáng kiến, thông tin, dữ liệu, các quy trình nghiệp vụ,... không phải là đối tượng SHTT.

3. Các đối tượng Sở hữu trí tuệ: là các đối tượng được định nghĩa tại Điều 5 của Luật SHTT Việt Nam, bao gồm:

- Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.
- Đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá.
- Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.
- Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch.

Trong thực tiễn triển khai nghiên cứu, cung ứng dịch vụ và truyền thông của Đại học Huế, tất cả các đối tượng nêu trên đều có thể phát sinh và trở thành quyền tài sản của Đại học Huế hoặc các bên có liên quan.

4. Quyền sở hữu trí tuệ: là tất cả những quyền đã được xác lập theo quy định của pháp luật SHTT Việt Nam đối với các tài sản trí tuệ, bao gồm: quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

5. Chuyển giao TSTT: là chuyển nhượng SHTT hoặc chuyển giao quyền sử dụng đối với một tài sản trí tuệ cụ thể.

6. Hoạt động công vụ: là bất kỳ hoạt động nào do cán bộ, viên chức hoặc nhân viên hợp đồng (dài hạn, ngắn hạn, khoán) thực hiện theo nhiệm vụ được giao (và/hoặc) chủ yếu bằng các nguồn lực của Đại học Huế.

7. Nhiệm vụ được giao: là nhiệm vụ được xác định theo chức danh của CBVC và nhân viên thời vụ trong các quy định liên quan về tổ chức và bộ máy của Đại học Huế, hoặc xác định trong hợp đồng liên quan tới nhân viên hợp đồng, hoặc theo một mệnh lệnh của cấp trên trực tiếp quản lý giao phó.

8. Nguồn lực của Đại học Huế: được hiểu là bao gồm nhưng không giới hạn ở thời gian làm việc tại Đại học Huế, nguồn lực tài chính của Đại học Huế hay nguồn tài chính đầu tư thông qua Đại học Huế, các cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật của Đại học Huế, nguồn lực thông tin, tư liệu, dữ liệu, dữ kiện của Đại học Huế.

Chương II

QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 4. Quy định về chủ sở hữu các tài sản trí tuệ tại Đại học Huế

Đại học Huế là chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây:

1. Được tạo ra bởi CBVC hoặc nhân viên thời vụ theo yêu cầu của công việc hoặc nhiệm vụ được giao được quy định chi tiết, ví dụ, trong bản mô tả công việc hay trong hợp đồng lao động. Những quy định chi tiết này sẽ xác định nhiệm vụ được giao của CBVC

hoặc nhân viên thời vụ một cách toàn diện hay một cách hạn chế bởi những điều khoản áp dụng đối với một công trình có bản quyền nào đó.

2. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Đại học Huế đặt hàng hay ký kết với các tổ chức, cá nhân trong hoặc ngoài Đại học Huế, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.

3. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Đại học Huế với một hoặc một số đối tác khác, trong đó có quy định các TSTT phát sinh là thuộc về Đại học Huế.

4. Được tạo ra trong quá trình triển khai đề tài, dự án KH&CN từ nguồn ngân sách nhà nước và được cơ quan chủ quản chỉ định, phân cấp hoặc chuyển giao cho Đại học Huế đứng tên “Cơ quan chủ trì hay chủ quản” trong đề tài hoặc dự án.

5. Được các chủ thể khác chuyển nhượng hoặc biếu, tặng cho Đại học Huế.

Điều 5. Quy định về đồng sở hữu các tài sản trí tuệ tại Đại học Huế

1. Đại học Huế là đồng sở hữu (với một hoặc nhiều chủ thể khác) đối với các tài sản trí tuệ sau đây:

- Được tạo ra bởi CBVC hoặc nhân viên thời vụ (theo yêu cầu của công việc) được quy định cụ thể trong hợp đồng lao động, nhưng sử dụng chủ yếu nguồn lực của Đại học Huế, các trường đại học thành viên hay đơn vị trực thuộc trong việc tạo ra TSTT.

- Được tạo ra bởi CBVC hoặc nhân viên thời vụ không theo nhiệm vụ được giao và không sử dụng nguồn lực của Đại học Huế, nhưng xuất phát từ một hoặc một số tài sản trí tuệ thuộc danh mục thông tin mật hay bí mật kinh doanh, mà CBVC hoặc nhân viên thời vụ đó đã được tiếp cận một cách hợp pháp.

- Được tạo ra trong quá trình hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh... với các đối tác khác, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.

- Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng tài trợ; trong đó, Đại học Huế là bên tài trợ hoặc bên nhận tài trợ, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác.

2. Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong từng trường hợp thuộc Điều 6 sẽ do các bên có liên quan quy định cụ thể bằng văn bản hoặc trong hợp đồng giao kết tương ứng, dựa theo tỷ lệ đóng góp của mỗi bên về nhân lực, vật lực, tài lực hoặc thông tin, trên cơ sở hợp tác bền vững và các bên cùng có lợi.

3. Trong trường hợp một đồng chủ sở hữu với Đại học Huế có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình, chủ sở hữu của phần quyền muốn chuyển nhượng đó sẽ ưu tiên chuyển nhượng cho các đồng chủ sở hữu khác theo các điều kiện thương mại hợp lý.

Điều 6. Quy định về không phải là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu các tài sản trí tuệ tại Đại học Huế

1. Đại học Huế không là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây:

- Được tạo ra tại Đại học Huế bởi CBVC hoặc nhân viên thời vụ không theo nhiệm vụ được giao, không sử dụng nguồn lực của Đại học Huế, không xuất phát từ một hoặc một số tài sản trí tuệ thuộc danh mục Thông tin mật hay bí mật kinh doanh của Đại học Huế, nhưng có giá trị ứng dụng vào các mặt hoạt động của Đại học Huế.

- Được tạo ra bởi CBVC tại Đại học Huế trong quá trình tham gia các hoạt động của đoàn thể nhằm phục vụ các sinh hoạt cộng đồng hoặc được tạo ra bởi nhân viên thời vụ không theo nhiệm vụ được giao, không sử dụng nguồn lực của Đại học Huế và không sử dụng thông tin mật hay bí mật kinh doanh của một số TSTT thuộc quyền sở hữu của Đại học Huế.

- Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng kí kết giữa Đại học Huế với một hoặc một số đối tác khác, trong đó, có quy định các tài sản trí tuệ phát sinh là thuộc về bên đối tác.

2. Đại học Huế có chế độ khen thưởng tương xứng đối với mọi CBVC hoặc nhân viên thời vụ tạo ra các tài sản trí tuệ nêu trên và hướng dẫn, hỗ trợ các tác giả, đồng tác giả trong việc xác lập quyền sở hữu của họ. Đại học Huế có thể khuyến khích họ chuyển nhượng lại các tài sản trí tuệ đó cho Đại học Huế theo các điều kiện thương mại hợp lí.

Điều 7. Quyền sở hữu trí tuệ của cán bộ, giảng viên

1. Các tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên bao gồm:

- Các tác phẩm: Luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ, khóa luận tốt nghiệp đại học; các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu (được Nhà nước, các Bộ chủ quản, các Sở KH&CN, Đại học Huế cấp kinh phí thực hiện); báo cáo nghiên cứu khoa học, các bản báo cáo khảo sát thực tiễn khoa trực thuộc, cấp trường, cấp Đại học Huế; kỷ yếu hội nghị, hội thảo (cấp khoa trực thuộc, cấp trường, cấp Đại học Huế, cấp quốc gia, quốc tế) do Đại học Huế xuất bản; Giáo trình, tài liệu tham khảo do Đại học Huế xuất bản; Sách điện tử, giáo trình điện tử, bài giảng điện tử do Đại học Huế xuất bản.

- Các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, giống cây trồng và vật liệu nhân giống.

2. Đại học Huế là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc không sở hữu đối với các tài sản trí tuệ nêu trên tùy thuộc vào các điều kiện đặt ra ở các Điều 4, 5, 6.

3. Giảng viên sẽ được hưởng quyền nhân thân đối với tài sản trí tuệ mình tạo ra.

4. Quyền sở hữu đối với các tác phẩm được quy định cụ thể như sau:

- Trong trường hợp Đại học Huế hoặc một số chủ thể khác là đồng chủ sở hữu đối với tác phẩm, các đồng chủ sở hữu sẽ cùng thỏa thuận cụ thể về cách thức phân định quyền sở hữu đối với từng loại quyền tài sản cũng như việc tiếp nhận và sử dụng quyền công bố tác phẩm tương ứng do tác giả, đồng tác giả liên quan chuyển giao.

- Trong trường hợp tài sản trí tuệ do CBVC hoặc nhân viên thời vụ tạo ra là một tác phẩm phát sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu của Đại học Huế và không thuộc trường hợp không phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc theo quy định của pháp luật SHTT, các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho Đại học Huế về việc xuất hiện tác phẩm phát sinh này và phải nhận được sự đồng ý của Đại học Huế bằng văn bản trước khi công bố, khẳng định quyền sở hữu của họ đối với tác phẩm phát sinh đó.

- Đối với các bài báo khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Đại học Huế, các tác giả và đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên các tạp chí nhưng phải nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của Đại học Huế.

- Đối với các bài báo khoa học do CBVC được phép sử dụng thời gian làm việc tại Đại học Huế và phương tiện vật chất của Đại học Huế để soạn thảo thì các tác phẩm này thuộc quyền sở hữu của CBVC tương ứng. Tuy nhiên, trong các công bố phải ghi rõ địa chỉ công tác là Đại học Huế.

Điều 8. Quyền sở hữu trí tuệ của sinh viên

1. Các tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên được thể hiện qua các bài tập, đồ án môn học, luận văn tốt nghiệp, sáng chế... đều thuộc về sinh viên. Đối với các trường hợp do giảng viên đầu tư kinh phí để thực hiện ý tưởng nghiên cứu của giảng viên sẽ được xem xét cụ thể.

2. Trong trường hợp các tài sản trí tuệ của quá trình học tập, nghiên cứu được tạo ra chủ yếu thông qua việc sử dụng các nguồn lực của Đại học Huế, hoặc có sự đầu tư của Đại học Huế về kinh phí, hoặc có sự đầu tư hay hỗ trợ đáng kể của giảng viên, thì Đại học Huế, giảng viên và sinh viên liên quan sẽ cùng xác định quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ phát sinh bằng văn bản. Trường hợp nghiên cứu của sinh viên do các công ty đầu tư và có các hợp đồng hay thoả thuận trong khuôn khổ pháp luật sẽ thực hiện theo hợp đồng cụ thể khi có chứng thực của người đại diện pháp luật.

Điều 9. Các quy định về tác giả và đồng tác giả

1. Một cá nhân được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả của một TSTT nếu có tham gia vào việc sáng tạo ra TSTT tương ứng. Được xem là “có tham gia vào việc sáng tạo” khi phần việc do người đó thực hiện không nảy sinh một cách hiển nhiên hoặc dễ dàng đối với các thành viên tham gia thực hiện đề tài, dự án, công trình, khâu công việc mà từ đó TSTT liên quan được tạo ra.

2. Các tác giả hoặc đồng tác giả của TSTT được hưởng các quyền nhân thân theo quy định tương ứng của Luật SHTT, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan; trừ khi có quy định phải chuyển giao một quyền nhân thân nào đó cho các chủ thể khác theo các quy định tại Quy chế này hoặc theo hợp đồng liên quan mà họ đã giao kết, trong phạm vi pháp luật cho phép.

3. Trong trường hợp tài sản trí tuệ được tạo ra bởi nhiều đồng tác giả, danh sách tên các đồng tác giả và tỉ lệ đóng góp của từng tác giả sẽ do nhóm tác giả tự thỏa thuận.

4. Các tác giả và đồng tác giả được hưởng quyền tài sản theo quy định tại Điều 19, hoặc theo Quy chế trả thù lao, nhuận bút, tiền khen thưởng sáng kiến,... của Đại học Huế hay chủ thể có liên quan, hoặc theo các quy định trong hợp đồng có liên quan đã ký kết.

Chương III **KHAI THÁC VÀ BẢO MẬT CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

Điều 10. Bộ phận Khai thác TSTT

1. Bộ phận Khai thác TSTT của Đại học Huế là đơn vị thực hiện chức năng quản lý các tài sản trí tuệ của Đại học Huế; Bộ phận này trực thuộc Ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường - Đại học Huế.

2. Tùy theo tình hình cụ thể, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc có thể thành lập Bộ phận Khai thác TSTT để thực hiện chức năng quản lý các tài sản trí tuệ; Bộ phận này trực thuộc của các Phòng KHCN-HTQT của đơn vị.

3. Các cán bộ nghiên cứu, giảng viên có TSTT chịu trách nhiệm trao đổi công việc trực tiếp với Bộ phận Khai thác TSTT của Ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường hay các Phòng KHCN-HTQT để thống nhất quy trình quản lý và chuyển giao. Các quản trị viên hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm tùy theo khối lượng công việc thực tế nảy sinh trong từng giai đoạn.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường

1. Hướng dẫn và phối hợp với các, các trường đại học thành viên, Khoa, Phân hiệu, các đơn vị trực thuộc và các CBVC, nhân viên thời vụ thực hiện việc nhận diện, ghi nhận các TSTT phát sinh;

2. Tổ chức hoạt động ghi nhận và lưu giữ các chứng cứ liên quan đến các TSTT phát sinh thuộc quyền, phân loại, thống kê và xác lập quyền tài sản, quyền nhân thân tương ứng đối với các TSTT;

3. Xác định quyền sở hữu và tác giả hoặc đồng tác giả đối với các TSTT phát sinh;

4. Phân loại TSTT và tiến hành các biện pháp bảo mật cần thiết;

5. Xúc tiến việc xác lập quyền SHTT;

6. Xây dựng các quy trình, thủ tục, biểu mẫu quản lý và khai thác các tài sản trí tuệ, trình Giám đốc Đại học Huế ban hành để thực hiện;

7. Phối hợp với các trường đại học thành viên, Khoa, Phân hiệu, đơn vị trực thuộc và nhóm nghiên cứu thống nhất quy trình triển khai các hoạt động thương mại.

8. Định kỳ rà soát, đánh giá, định giá các TSTT thuộc danh mục hiện hữu;

9. Tham mưu cho Giám đốc Đại học Huế xây dựng các phương án quản lý và khai thác các TSTT có hiệu quả;

10. Lập dự toán cho hoạt động của Bộ phận Khai thác TSTT theo từng năm.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc

Có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ Bộ phận Khai thác TSTT trong việc:

1. Phòng chống việc sử dụng không được phép quyền SHTT của các chủ thể khác trong mọi mặt hoạt động thuộc phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp vi phạm, các đơn vị trên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh cho Đại học Huế;

2. Quán triệt Quy chế này cùng các quy định có liên quan đến toàn thể CBVC và nhân viên thời vụ thuộc phạm vi quản lý của mình;

3. Yêu cầu các CBVC và nhân viên thời vụ trong phạm vi quản lý của mình tiến hành hoạt động ghi nhận các TSTT mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được Đại học Huế giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành và theo các hướng dẫn liên quan của quản trị viên SHTT.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của CBVC và nhân viên thời vụ của Đại học Huế

1. Không sử dụng các quyền SHTT của các chủ thể khác trong hoạt động của Đại học Huế, nếu chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu. Trong trường hợp vi phạm, CBVC và nhân viên thời vụ phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh cho Đại học Huế;

2. Ghi nhận kịp thời và đầy đủ về các TSTT mới phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, theo các biểu mẫu tương ứng trong bộ mẫu khai thác TSTT. Tất cả các bản ghi nhận này được xem là thông tin mật của Đại học Huế cho đến khi Bộ phận Khai thác TSTT thông báo bằng văn bản về việc có thể công bố hoặc tiết lộ;

3. Tuân thủ các điều kiện, phương thức, thời điểm,... tiết lộ hoặc công bố TSTT mới phát sinh theo thông báo bằng văn bản của Bộ phận Khai thác TSTT;

4. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các TSTT do bản thân tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc sở hữu của Đại học Huế hoặc của các chủ thể khác theo quy định tại Quy chế này và theo các văn bản thỏa thuận khác.

5. Cung cấp cho Bộ phận Khai thác TSTT các thông tin, dữ liệu cần thiết nhằm xúc tiến các hồ sơ, thủ tục xác lập quyền và khai thác quyền đối với các TSTT do bản thân tạo ra hoặc tham gia tạo ra và thuộc quyền sở hữu của Đại học Huế hoặc của chủ thể có liên quan;

6. Tuân thủ các quy tắc bảo mật về TSTT được qui định trong Quy chế này;

7. Trong trường hợp muốn công bố sớm kết quả nghiên cứu khoa học có liên quan đến TSTT của Đại học Huế, các CBVC và nhân viên thời vụ phải được sự đồng ý của Đại học Huế;

8. Đóng góp ý kiến, giúp Bộ phận Khai thác TSTT nâng cao hiệu quả công tác quản lý và khai thác TSTT.

Điều 14. Các quy tắc bảo mật TSTT

1. Khi có TSTT mới phát sinh được nhận diện, CBVC và nhân viên thời vụ liên quan tiến hành đánh dấu lên tài liệu bằng ký hiệu “THÔNG TIN KÍN” màu đỏ, đặt ở góc trên, bên phải của tài liệu. Tất cả các tài liệu này phải được lưu trong tập hồ sơ có đánh dấu “THÔNG TIN KÍN”;

2. Đối với các tài liệu đã được xử lý và xác nhận là thông tin mật của Đại học Huế, Bộ phận Khai thác TSTT sẽ đóng dấu “MẬT” màu đỏ, đặt ở góc trên, bên phải của tài liệu;

3. Những thông tin mật của Đại học Huế sẽ được đặt tại tủ hồ sơ của Đại học Huế hoặc lưu trữ trên trang mạng đặt tên là “CONFIDENTIAL_ tên tập tin”.

Chương IV

CƠ CHẾ KHAI THÁC VÀ PHÂN BỐ LỢI ÍCH TỪ CÁC TSTT

Điều 15. Các hình thức khai thác TSTT

Việc khai thác TSTT bao gồm (nhưng không giới hạn) các hình thức sau:

1. Công bố TSTT;
2. Chuyển nhượng quyền TSTT cho chủ thể khác;
3. Áp dụng, khai thác TSTT trong quy trình tác nghiệp, kinh doanh, sản xuất của Đại học Huế;
4. Sử dụng quyền SHTT để góp vốn, liên doanh, liên kết;
5. Cấp văn bằng cho các đối tượng có nhu cầu;
6. Chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng, cho, tặng.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ về khai thác TSTT của CBVC và nhân viên thời vụ

1. Có quyền tiếp cận, sử dụng các TSTT của Đại học Huế khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

2. Có quyền được hưởng các lợi ích phù hợp từ việc khai thác TSTT của Đại học Huế mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả. Tùy theo từng trường hợp mà có thỏa thuận riêng với Đại học Huế.

3. Trong trường hợp tài sản trí tuệ do CBVC hoặc nhân viên thời vụ tạo ra là một sáng chế cho Đại học Huế, việc sử dụng và khai thác sáng chế phụ thuộc phải nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Đại học Huế;

4. Vẫn được giữ quyền nhân thân đối với các tác phẩm, sáng chế của mình khi không còn công tác tại Đại học Huế;

5. Trong trường hợp tài sản trí tuệ do CBVC hoặc nhân viên thời vụ tạo ra là một phái sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu của Đại học Huế và không thuộc trường hợp không phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc theo quy định của pháp luật SHTT; các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho Đại học Huế về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải nhận được sự đồng ý của Đại học Huế bằng văn bản trước khi công bố và khẳng định quyền sở hữu của họ đối với tác phẩm phái sinh đó.

6. Đối với các bài báo khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Đại học Huế, các tác giả và đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên các tạp chí nhưng phải nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của Đại học Huế và phải ghi rõ địa chỉ công tác là Đại học Huế trong tác phẩm của mình. Tuyệt đối không được tiết lộ, chuyển giao các TSTT của Đại học Huế khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Đại học Huế.

7. Sau khi chính thức nghỉ việc tại Đại học Huế, CBVC và nhân viên thời vụ không còn được hưởng thù lao từ các TSTT do Đại học Huế sở hữu hoặc đồng sở hữu; trong đó CBVC hoặc nhân viên thời vụ là tác giả/đồng tác giả trừ khi giữa Đại học Huế với chủ thể liên quan hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 17. Sự chuyển giao TSTT giữa Đại học Huế và khoa, phân hiệu, đơn vị trực thuộc với CBVC và nhân viên thời vụ

1. Trong trường hợp Đại học Huế thông báo không xác lập hoặc từ bỏ quyền sở hữu của Đại học Huế đối với một TSTT do CBVC, nhân viên thời vụ thuộc khoa, phân hiệu và đơn vị trực thuộc tạo ra, các khoa, phân hiệu và đơn vị trực thuộc hoặc CBVC, nhân viên thời vụ có thể yêu cầu Đại học Huế chuyển nhượng miễn phí TSTT đó cho mình.

2. Đại học Huế có thể yêu cầu CBVC, nhân viên thời vụ chuyển nhượng TSTT cho khoa, phân hiệu và đơn vị trực thuộc hoặc CBVC, nhân viên thời vụ với điều kiện thương mại hợp lý.

3. Khoa, phân hiệu và đơn vị trực thuộc hoặc CBVC, nhân viên thời vụ đồng ý cấp phép sử dụng không độc quyền và vô thời hạn các TSTT vào mục đích nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực tại Đại học Huế.

4. Khoa, phân hiệu và đơn vị trực thuộc hoặc CBVC, nhân viên thời vụ đang làm việc tại Đại học Huế không chuyển giao các TSTT cho đối tác thứ ba nếu việc chuyển giao đó có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Đại học Huế; trừ khi có sự thỏa thuận bằng văn bản với Đại học Huế hoặc pháp luật liên quan có quy định khác.

Điều 18. Hoạt động xúc tiến thương mại các TSTT của Bộ phận Khai thác TSTT

1. Bộ phận Khai thác TSTT có trách nhiệm và được toàn quyền chủ động trong việc xúc tiến thương mại các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Đại học Huế.

2. Bộ phận Khai thác TSTT tham mưu cho Ban Giám đốc hay Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, trưởng các đơn vị trực thuộc ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng văn bằng, hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh/liên kết bằng TSTT, hợp đồng hợp tác nghiên cứu để tạo lập TSTT mới.

Điều 19. Phân bổ thu nhập và lợi ích từ hoạt động khai thác các TSTT

Đối với các tài sản trí tuệ là sản phẩm của những đề tài, dự án sử dụng kinh phí của ngân sách nhà nước, sau khi đã trừ các chi phí khác (nếu có) như đăng ký bản quyền, tìm kiếm đối tác ký kết hợp đồng chuyển giao, phân chia lợi nhuận cho cơ quan chủ quản cấp kinh phí (theo tỉ lệ đã thỏa thuận trong qui định hoặc hợp đồng,...), việc hưởng thu nhập và lợi ích từ hoạt động khai thác các TSTT được tính như sau:

1. Lợi ích từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ của Đại học Huế:

- Tác giả/đồng tác giả: được hưởng 30% tổng giá trị (nếu tác giả tự liên hệ và tổ chức chuyển giao sẽ hưởng 60% và Đại học Huế 40%) .

- Đại học Huế (hoặc đơn vị có quyền sở hữu): được hưởng 70% tổng giá trị.

2. Lợi ích từ việc thương mại hóa các sản phẩm của Đại học Huế (trong 10 năm):

- Tác giả/đồng tác giả: được hưởng 40% tổng giá trị.

- Đại học Huế (hoặc đơn vị có quyền sở hữu): được hưởng 60% tổng giá trị.

3. Lợi ích của Đại học Huế (hoặc các đơn vị có quyền sở hữu) thu được sẽ phân bổ 50% cho Quỹ hỗ trợ Ươm tạo và Chuyển giao công nghệ và 50% cho Quỹ phúc lợi, khen thưởng của Đại học Huế (hoặc đơn vị có quyền sở hữu).

4. Tỉ lệ phân chia lợi ích của nhóm tác giả tương ứng với tỉ lệ đóng góp của từng tác giả mà nhóm tác giả đã tự thỏa thuận bằng văn bản.

5. Đối với những trường hợp đạt được kết quả vượt mức, Bộ phận Khai thác TSTT sẽ đề xuất Ban Giám đốc có quyết định trả thù lao riêng và khen thưởng xứng đáng.

6. Đối với các TSTT tạo ra từ hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh có nhiều chủ sở hữu, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng sở hữu, trừ khi giữa các bên có thỏa thuận khác.

7. Hàng năm, Đại học Huế trích một phần lợi nhuận sau thuế từ các TSTT được thương mại hóa để bảo đảm kinh phí cho kế hoạch hoạt động quản trị TSTT của năm tiếp theo, bao gồm các nội dung:

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật SHTT và kiến thức quản trị TSTT;

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu quản trị TSTT và cơ sở dữ liệu thông tin TSTT;

- Đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động quản trị TSTT;

- Lập Quỹ ươm tạo Công nghệ trong Đại học Huế;

- Triển khai các hoạt động theo nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ phận Khai thác TSTT.

8. Các vấn đề khác liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ TSTT sẽ do Giám đốc Đại học Huế quyết định theo từng trường hợp cụ thể.

Chương V
CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Các điều khoản thi hành

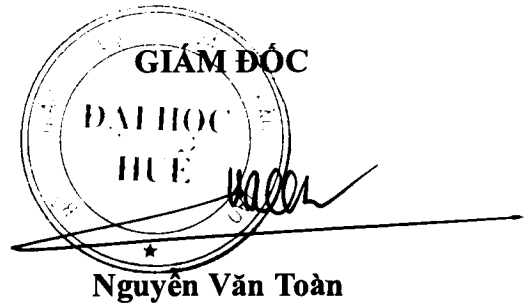
1. Mọi CBVC, nhân viên thời vụ của Đại học Huế phải được biết về các quy định liên quan đến mình trong Quy chế này trước khi ký hợp đồng, thỏa thuận, hợp tác với Đại học Huế.

2. Bộ phận Khai thác TSTT có trách nhiệm triển khai phương án tập hợp và ghi nhận lại tất cả các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Đại học Huế đã hình thành từ trước ngày Quy chế có hiệu lực.

3. Các tranh chấp về SHTT trong nội bộ được ưu tiên xử lý theo tinh thần thỏa thuận, hòa giải. Nếu chưa được giải quyết được sẽ áp dụng theo các trình tự, thủ tục pháp lý có liên quan hiện hành.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các văn bản trước đây có nội dung liên quan. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp, Giám đốc Đại học Huế sẽ xem xét, sửa đổi, bổ sung kịp thời. / *um*


GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC
HUẾ
★
Nguyễn Văn Toàn